| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 91/2025/DS-PT
Ngày 12 - 8 - 2025
*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Mạnh

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 28-2-2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (nay là Tổ dân phố B, xã T, tỉnh Phú Thọ).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông B:* Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D, đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Nay là số D, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B*: Luật sư Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: số D, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (nay là Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ).

2. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ C, S, thành phố S, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ hiện tại: Khu A, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (nay là Khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị D và ông Lê Văn T*: Chị Lã Khánh L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Thôn S, xã Đ, tỉnh Phú Thọ), có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D*: Ông Bùi Quốc H2 – Luật sư, Công ty L1; địa chỉ: Số F, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Số F, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ), – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (nay là Tổ dân phố P, xã T, tỉnh Phú Thọ).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H3*: Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D, đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Nay là số D, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ);

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Nay là Thôn T, xãVĩnh An, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn B và bị đơn ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2022 và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D là anh chị em họ hàng với gia đình nhà bà Lê Thị H3, vợ của ông Vũ Văn B. Cuối năm 2019, do nhu cầu làm ăn buôn bán, muốn mở rộng quy mô kinh doanh, ông T và bà D đặt vấn đề với vợ chồng ông B về việc muốn vay thêm tiền để kinh doanh. Do tin tưởng chỗ người nhà, thân cận nên vợ chồng ông B cũng đồng ý cho ông T, bà D vay tiền, mỗi lần vay đều có giấy biên nhận, cụ thể như sau:

- Ngày 13/9/2019, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, ngày trả 13/12/2019;

- Ngày 03/10/2019, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 30/10/2019;

- Ngày 17/7/2020, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng); thời hạn vay 15 ngày, ngày trả 02/8/2020;

- Ngày 10/9/2020, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 10/10/2020.

Tổng số tiền : 6.300.000.000đ (Sáu tỷ ba trăm triệu đồng)

Tuy nhiên, kể từ sau ngày 10/10/2020, ông T, bà D không thực hiện đúng cam kết về việc trả tiền vay cho ông B. Ông B đã nhiều lần liên hệ nhưng ông T bà D khất lần và lảng tránh. Đối chiếu quy định tại Điều 466 – Bộ luật dân sự 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác..."*

Như vậy, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn B yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B. Số tiền nợ gốc là : 6.300.000.000đ (Sáu tỷ ba trăm triệu đồng); Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ lãi là: 6.300.000.000đ (Sáu tỷ ba trăm triệu đồng) từ ngày 10/10/2020 x 0,75%/tháng đến hết ngày xét xử. Tại phiên tòa ngày 24/02/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ ngày 03/10/2019, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.200.000.000đ *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)*; thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 30/10/2019. Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ gốc là: 5.100.000.000đ (Năm tỉ một trăm triệu đồng); Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ lãi là: 5.100.000.000đ (Năm tỉ một trăm triệu đồng) x 10%/năm tính từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày xét xử. Yêu cầu ông T, bà D phải chịu lãi suất 10%/ năm đối với tổng số tiền nợ từ ngày 01/3/2025 đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn ông T, bà D đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T bà D có cùng quan điểm trình bày như sau:*

Ông T, bà D xác nhận 04 tài liệu: "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 13/9/2019, "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 03/10/2019, "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 17/07/2020 và "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 10/9/2020 mà ông B đã nộp kèm theo đơn khởi kiện là đúng sự thật, do vợ chồng ông T, bà D ký và điểm chỉ dưới mục "Người vay". Đối với "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 10/9/2020 tại dòng thứ 8 từ trên xuống có ghi: "Lê Thị D1" là sơ suất do đánh máy còn việc vay nợ và chữ ký, điểm chỉ ở mục người vay là đúng sự thật. Theo đó, vợ chồng ông bà có vay ông B tổng số tiền là 6.300.000.000 đồng. Tuy trong hợp đồng không ghi lãi suất của số tiền vay mà ghi lãi theo thỏa thuận nhưng thực tế theo ông là vay với mức lãi suất: 3000 đồng/1 triệu/ngày, trong đó có số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ngày 10 tháng 9 năm 2020 do vợ chồng ông bà đứng vay hộ ông Phùng Công H4 (sinh năm 1987; địa chỉ: Xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ).

Toàn bộ số tiền 6.300.000.000 đồng vợ chồng ông T, bà D1 đã trả cho ông B và lãi suất theo yêu cầu của ông B bằng hình thức chuyển tiền đến tài

khoản ngân hàng của ông B và vợ ông B là bà Lê Thị H3. Cụ thể việc trả tiền được thực hiện như sau:

- Đối với số tiền vay 2.500.000.000 đồng tại "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 13/09/2019: Ông T đã chuyển đến tài khoản ngân hàng của bà H3 số tiền 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 01/10/2019 để trả khoản vay này và còn lại 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) trả tiền lãi và khoản tiền gì ông bà cũng không nhớ do đã lâu.

- Đối với số tiền vay 1.200.000.000 đồng tại "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 03/10/2019. Ngày 09/10/2019 đã chuyển trả đầy đủ số tiền vay này đến tài khoản ngân hàng của ông B (STK: 105000204011 – Ngân hàng TMCP C (V) – Chủ tài khoản: Vũ Văn B).

- Đối với số tiền vay 1.600.000.000 đồng tại "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 17/07/2020. Ông T đã trả cho ông B số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển đến tài khoản ngân hàng của bà H3 vào ngày 19/08/2020 và còn nợ 100.000.000 đồng.

- Đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng tại "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 10/09/2020, thực chất đây là khoản tiền do vợ chồng ông T, bà D1 đứng ra vay hộ ông Phùng Công H4 (có thông tin nêu trên) và ông H4 mới là người trực tiếp sử dụng số tiền vay này. Khi vay tiền, ông H4 đã cầm cố tài sản là chiếc ô tô Ford Explorer, mang biển kiểm soát : 88A-22.997, đứng tên chủ xe: bà Phạm Thị Thanh T1 (vợ của ông Phùng Công H4) cho ông B để bảo đảm khoản vay. Sau đó một thời gian, bà D1 đã đưa người của ông H4 (chỉ biết tên là S) đến nhà ông B để thanh toán toàn bộ khoản vay này. Sau khi nhận được đầy đủ tiền, ông B đã trả lại chiếc xe ô tô trên để anh S đi xe về và không có ý kiến gì.

Ngoài các lệnh chuyển tiền trên, vào ngày 04/10/2019, ông T chuyển đến tài khoản ngân hàng của bà H3 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); ngày 05/8/2020, ông T tiếp tục chuyển đến tài khoản ngân hàng của bà H3 số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Đây là số tiền ông T trả tiền lãi đối với các khoản vay trên và khoản tiền gì khác ông cũng không nhớ.

Như vậy, tính đến tại thời điểm hiện tại, vợ chồng ông T, bà D1 đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông B và bà H3 tổng số tiền là 9.700.000.000 đồng (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng), số tiền này còn vượt quá tổng số tiền vay nợ gốc vợ chồng ông bà đã vay từ ông B. Phía ông H4 cũng đã thanh toán khoản vay 1.000.000.000 đồng và lấy xe về.

Ông B khởi kiện và yêu cầu "Buộc ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D phải trả cho ông Vũ Văn B toàn bộ số tiền là 7.481.250.000 đồng trong đó số tiền gốc là 6.300.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.181.250.000 đồng" tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là hoàn toàn không có căn cứ.

Tại phiên tòa ngày 24/02/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ ngày 03/10/2019, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 30/10/2019. Người đại diện theo ủy quyền

của ông T, bà D và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T, bà D không có ý kiến gì.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ gốc là: 5.100.000.000đ (Năm tỉ một trăm triệu đồng); Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ lãi là: 5.100.000.000đ (Năm tỉ một trăm triệu đồng) x 10%/năm tính từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày xét xử. Yêu cầu ông T, bà D phải chịu lãi suất 10%/ năm đối với tổng số tiền nợ từ ngày 01/3/2025 đến khi trả hết nợ là hoàn toàn không có căn cứ. Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà D và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T, bà D đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai ngày 17/02/2025 trình bày:*

Anh là bạn bè thân thiết của anh Phùng Công H4 (sinh năm 1987; địa chỉ: Xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc). Anh là người trực tiếp liên quan đến việc vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 10/9/2020 giữa ông bà T, D và ông Vũ Văn B (nguyên đơn trong vụ án) do thời điểm đó anh H4 bận việc nên đã giao cho anh giải quyết công việc liên quan đến việc vay tiền này, vì vậy anh nắm rõ sự việc. Cụ thể như sau: Vào khoảng tháng 9/2020, do nhu cầu làm ăn kinh doanh nên anh H4 đã hỏi vay tiền của ông T, bà D. Tuy nhiên thời điểm đó ông bà T, D không có tiền nên đã giới thiệu anh H4 đến vay tiền của ông B. Sau đó ông B đồng ý nhưng với điều kiện ông bà T, D phải đứng ra vay do không quen biết ông H4 và phải cầm cố tài sản, giữa hai bên có thỏa thuận trả lãi suất (do thời gian đã lâu nên anh không nhớ rõ lãi suất bao nhiêu). Theo đó, để giúp anh H4 nên ông T và bà D đã ký giấy biên nhận vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ngày 10/09/2020 với ông B. Phía anh H4 đã nhờ anh đi chiếc ô tô Ford Explorer, mang biển kiểm soát: 88A-22.997, đứng tên chủ xe: bà Phạm Thị Thanh T1 (vợ anh H4) xuống nhà ông B và giao chiếc xe này cho ông B. Sau khi giao xe, ông B đã giao cho anh S toàn bộ số tiền vay trên. Vì vậy mới có sự việc ông bà D, T ký giấy biên nhận vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 10/9/2020 từ ông B. Trên thực tế hoàn toàn không có việc ông T và bà D vay số tiền 1.000.000.000 đồng như ông B đã trình bày. Do phía ông bà Tám D2 chỉ đứng ra vay tiền hộ nên cùng ngày 10/09/2020, bà D2 đã yêu cầu anh ký giấy vay bà D2 số tiền 1.000.000.000 đồng để ràng buộc trách nhiệm đối với khoản vay này. Một thời gian sau, anh H4 đã nhờ anh đến nhà ông B để trả toàn bộ số tiền vay này, do đã lâu nên anh không nhớ trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản. Sau khi trả tiền, ông B đã trả lại chiếc xe ô tô trên để anh đi xe về và không có ý kiến gì. Từ các căn cứ trên, anh khẳng định việc ông B khởi kiện ông bà T, D2 phải trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà anh H4 đã trả cho ông B là hoàn toàn không có căn cứ. Nếu ông B không nhận được đầy đủ khoản tiền vay này thì chắc chắn không có việc ông B trả lại chiếc xe ô tô trên để anh đi xe về. Ngoài sự việc trên, anh hoàn toàn không biết và không liên quan đến việc các khoản nợ khác giữa ông bà Tám D2 và ông B. Do tính chất công việc của anh

phải xa nhà thường xuyên, anh không có điều kiện để tham gia quá trình giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án có công văn gửi Ngân hàng N – Chi nhánh T2. Ngân hàng trả lời bằng công văn số 165A ngày 26/11/2024 như sau:

1. Khách hàng: Lê Thị H3; Số tài khoản: SỐ CCCD: 026175001746, ngày cấp: 13/08/2021, nơi cấp: CTCCS QLHC về TTXH

2. Khách hàng: Vũ Văn M; Số tài khoản: 2804205049556; - SỐ CCCD: 026081008536, ngày cấp: 06/09/202, nơi cấp: CTCCS QLHC về TTXH

Ngày 01/10/2019, sau khi vấn tin và sao kê chi tiết tài khoản của KH Lê Thị H3, trên sao kê thể hiện rõ tiền 4.500.000.000đ được chuyển từ A đến tài khoản của bà Lê Thị H3 với nội dung: "LE VAN TAM CHUYEN TIEN". Với nội dung như vậy A không thể xác minh được đó là tiền ông T chuyển nhờ hay trả nợ bà H3.

Ngày 02/10/2019, bà H3 có đến Ngân hàng thực hiện rút số tiền trên bằng tiền mặt (Kèm theo liên 2 chứng từ giao dịch chi tiết ngày 02/10/2019)

Ngày 04/10/2019, ông Lê Văn T thực hiện ủy nhiệm chi số tiền 500.000.000đ từ tài khoản số 2890205335112 mở tại A đến tài khoản số 2804205004506 của bà Lê Thị H3 tại A với nội dung: "LE VAN TAM TRA TIEN MUA VAT LIEU". Ngay trong ngày 04/10/2019, bà H3 có thực hiện chuyển khoản đi số tiền trên với nội dung: "Lê Thị Huệ Ct Vũ Thị D". Sau khi kiểm tra khoản tiền bà H3 chuyển đi với nội dung như trên, A cung cấp thông tin đối ứng như sau:

- Tên TK: Vũ Thị D; Số TK: 2804205007612 tại A Chi nhánh T2 (Kèm theo liên 2 chứng từ giao dịch chi tiết ngày 04/10/2019)

Ngày 05/08/2020, số tiền 2.000.000.000đ được chuyển đến TK bà Lê Thị H3 với nội dung: "chuyen tien". Số tiền trên được chuyển đến từ tài khoản số 2890205335112 của ông Lê Văn T mở tại A Chi nhánh V1. Trong ngày bà H3 đã chuyển khoản số tiền trên đi với nội dung: "Lê Thị Huệ Ct Vũ Thị D". Sau khi kiểm tra khoản tiền chuyển đi, A cung cấp thông tin của tài khoản đối ứng như sau:

- Tên TK: Vũ Thị D; Số TK: 2804205007612 tại A Chi nhánh T2 (Kèm theo liên 2 chứng từ giao dịch ngày 05/08/2020)

Ngày 09/10/2019 ông Vũ Văn M có thực hiện chuyển khoản số tiền 1.200.000.000đ từ tài khoản của mình số 2804205049536 tại A Chi nhánh T2 đến tài khoản số 105000204011 của ông Vũ Văn B mở tại Ngân hàng TMCP C với nội dung: "Vũ Thị D CT Vũ Văn B"

** Người làm chứng ông Vũ Văn M vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 19/12/2024 trình bày:*

Ông có mối quan hệ họ hàng với bà Vũ Thị D và ông Lê Văn T (bị đơn trong vụ án). Bản thân ông không có quan hệ anh em hay quan hệ làm ăn gì với

ông Vũ Văn B, bà Lê Thị H3. Việc vay nợ giữa ông T, bà D với ông B cụ thể như thế nào thì ông không biết, bản thân ông không có làm ăn gì với ông B, bà H3 và cũng không có làm ăn gì với vợ chồng ông T, bà D. Tuy nhiên, trước đây vào ngày 09/10/2019 do bận công việc nên bà D có nhờ ông chuyển đến tài khoản ngân hàng của ông B (STK 105000204011 – Ngân hàng TMCP C – Chủ tài khoản Vũ Văn B) số tiền 1.200.000.000đ. Sau khi chuyển xong ông có cầm giấy "Ủy quyền chi" về đưa cho bà D giữ, chính là giấy tờ bà D đã giao nộp cho Tòa án. Toàn bộ số tiền là ông chuyển hộ bà D, ông không có yêu cầu đề nghị gì với bà D, ông T.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 28-2-2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ) đã quyết định:

1. Đình chỉ với phần yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà D trả số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 30/10/2019;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền buộc ông T, bà D trả 4.000.000.000 đồng trong đó là số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), theo giấy nhận nợ ngày 13/9/2019 thời hạn vay 03 tháng, ngày trả 13/12/2019 và số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) trong giấy nhận nợ vay ngày 17/7/2020 thời hạn vay 15 ngày, ngày trả 02/8/2020.

3. Không chấp nhận yêu cầu trả lãi theo lãi suất 10%/ năm đối với số tiền 4.000.000.000 đồng từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày 28/02/2025. Số tiền lãi là: 1.755.616.438 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B. Buộc ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D phải trả cho ông B tổng số tiền phải trả: 1.582.794.520 đồng.

5. Kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 ông ông T, bà D còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên tổng số nợ 1.582.794.520 đồng với lãi suất 10%/năm đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 3 năm 2025, ông Vũ Văn B kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho ông B trình bày cho rằng ông B, bà H3 cho ông T, bà D vay theo 04 giấy vay nợ là đúng. Đối với việc ông B rút yêu cầu đòi 1,2 tỷ ông không có ý kiến gì, tuy nhiên đối với khoản tiền ông B cho ông T, bà D vay 2,5 tỷ thực chất là ông T, bà D vay Ngân hàng N chi nhánh P 4,5 tỷ, ông T, bà D nhận tiền chuyển cho ông B, bà H3 4,5 tỷ đồng, ông B, bà H3 đã nhận đủ qua chuyển khoản, sau đó ông B lại đưa tiền cho ông T, bà D vay và ông T, bà D chưa trả nên đề nghị Tòa án xác minh thêm việc này ở Ngân hàng N chi nhánh P.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà D cho rằng ông B, bà H3 cho ông T, bà D vay theo 04 giấy vay nợ là đúng; ông T bà D đã trả đủ cho ông B, bà H3 thể hiện tại các lần chuyển khoản; đối với số tiền 1.000.000.000đồng tại giấy biên nhận ngày 10/9/2020 là khoản tiền do ông T và bà D đứng ra vay hộ cho anh Phùng Công H4, anh H4 đã cầm cố tài sản là chiếc ô tô Ford Explorer, mang biển kiểm soát: 88A-22.997cho ông B để bảo đảm khoản vay, sau đó bà D  đưa anh S là người của anh H4 đến nhà ông B để thanh toán toàn bộ khoản vay này. Sau khi nhận được đầy đủ tiền, ông B đã trả lại chiếc xe ô tô trên để anh S đi xe về. Đối với khoản tiền 100.000.000đ của khoản vay 1.600.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 17/7/2020 bị đơn cho rằng số tiền trên bị đơn đã trả trực tiếp cho bà H3 bằng tiền mặt (như đã khai tại phiên tòa ngày 28/11/2024), tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ gì.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật và về kháng cáo*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, từ khi khai mạc đến nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn B và của bị đơn ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 28-2-2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (nay là Tòa án khu vực 10 – Phú Thọ).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền 5.100.000.000đ qua các lần vay vào ngày 13/9/2019, ngày 17/7/2020, ngày 10/9/2020; bị đơn cư trú tại thị trấn T, huyện V. Do đó Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ) giải quyết theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền" là đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông ông Vũ Văn B và đơn kháng cáo của bị đơn Lê Văn T và bà Vũ Thị D làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Vũ Văn B khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả tổng số tiền là 6.300.000.000đ qua các lần vay: ngày 13/9/2019 vay 2.500.000.000đ, thời hạn trả là ngày 13/12/2019; Ngày 03/10/2019 vay 1.200.000.000đ, thời hạn trả 30/9/2019; Ngày 17/7/2020 vay 1.600.000.000đ, thời hạn trả là ngày 02/8/2020; Ngày 10/9/2020 vay 1.000.000.000đ, thời hạn trả là ngày 10/10/2020. Các đương sự đều thừa nhận các khoản vay trên là đúng và cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền của các lần vay.

Ngày 24/02/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ ngày 03/10/2019, vợ chồng ông B cho ông T, bà D vay số tiền 1.200.000.000đ và yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ gốc là: 5.100.000.000đ; Yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D trả ông B số tiền nợ lãi là: 5.100.000.000đ x 10%/năm tính từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày xét xử. Yêu cầu ông T, bà D phải chịu lãi suất 10%/ năm đối với tổng số tiền nợ từ ngày 01/3/2025 đến khi trả hết nợ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn B và bị đơn ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền 2.500.000.000đ vay ngày 13/9/2019: Ông T và bà D cung cấp chứng từ giao dịch chuyển số tiền 4.500.000.000đ vào số tài khoản của bà Lê Thị H3 ngày 01/10/2019 (tại BL số 71, 96, 161). Như vậy, thể hiện đã trả số tiền nợ 2.500.000.000đ cho ông B, còn 2.000.000.000đ là trả lãi và các khoản nợ khác không nhớ. Ông B, bà H3 thừa nhận đã nhận được số tiền 4.500.000.000đ nhưng không rõ người chuyển tiền là ai, có phải ông T, bà D không.

Tòa án đã đề nghị Ngân hàng sao kê tài khoản chuyển của ông T, bà D cho ông B, bà H3. Tại công văn số 165A ngày 26/11/2024 của Ngân hàng A có nội dung"Ngày 01/10/2019, sau khi vấn tin và sao kê chi tiết tài khoản của KH Lê Thị H3, trên sao kê thể hiện rõ tiền 4.500.000.000đ được chuyển từ A đến tài khoản của bà Lê Thị H3 với nội dung: "LE VAN TAM CHUYEN TIEN". Người bảo vệ quyền lợi cho ông B tại phiên tòa cũng thừa nhận ông B, bà H3 đã nhận được khoản tiền này qua chuyển khoản nhưng cho rằng sau đó lại chuyển cho ông T, bà D vay. Tuy nhiên ông B, bà H3 không có căn cứ gì chứng minh đã chuyển lại số tiền này cho ông T, bà D vay, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải xác minh để làm rõ thêm như đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định số tiền 4.500.000.000đ giao dịch ngày 01/10/2019 là do ông Lê Văn T chuyển vào tài khoản của bà Lê Thị H3, trong số tiền này có 2.500.000.000đ là tiền ông T trả cho ông B, bà H3 khoản vay ngày 13/9/2019. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông B đòi số tiền 2.500.000.000 đồng này là có căn cứ, đúng quy định.

[3.2] Đối với số tiền 1.600.000.000đ bị đơn vay ngày 17/7/2020, hẹn trả ngày 02/8/2020: Ông T, bà D đã cung cấp chứng từ giao dịch thể hiện đã chuyển số tiền 1.500.000.000đ (tại BL số 68, 80,89) vào tài khoản của bà H3 vào ngày 19/8/2020. Ông B, bà H3 thừa nhận tài khoản ngân hàng của bà H3 có nhận được số tiền 1.500.000.000đ vào ngày 19/8/2020 nhưng không biết có phải là ông T, bà D chuyển trả tiền không. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, giữa các bên không có giao dịch mua bán hàng hóa nào, mà chỉ có quan hệ vay nợ. Căn cứ vào thừa nhận của ông B, bà H3 và chứng từ giao dịch do ông T, bà D cung cấp có đủ căn cứ xác định ông T, bà D đã trả cho ông B, bà H3 số tiền 1.500.000.000đ vào ngày 19/8/2020 của khoản nợ 1.600.000.000đ.

Phía bị đơn ban đầu cho rằng còn nợ lại 100.000.000đ nhưng sau đó lại khai là đã trả cho bà H3 trực tiếp bằng tiền mặt 100.000.000đ còn nợ (khai tại phiên tòa ngày 28/11/2024). Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là đã trả khoản tiền còn thiếu này. Đại diện theo ủy quyền của ông B và bà H3 cũng xác định không nhận được khoản tiền 100.000.000 đồng nào từ bị đơn trong ngày 28/11/2024. Do vậy, có căn cứ xác định bị đơn ông T, bà D chưa trả số tiền 100.000.000đ còn thiếu của khoản vay 1.600.000.000đ ngày 17/7/2020. Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền này là có căn cứ, đúng quy định.

[3.3] Đối với số tiền 1.000.000.000đ bị đơn vay vay ngày 10/9/2020: Ông T, bà D cho rằng ông bà vay hộ cho anh Phùng Công H4, anh H4 đã nhờ anh Nguyễn Văn S đi xe ô tô Ford Explorer, mang biển kiểm soát : 88A-22.997 xuống nhà ông B và giao cho ông B để bảo đảm khoản vay trên. Bà D đã đưa người của ông H4 (chỉ biết tên là S) đến nhà ông B để thanh toán toàn bộ khoản vay này. Sau khi giao xe, ông B đã giao tiền cho anh S. Sau này, anh H4 đã nhờ anh S đến nhà ông B để trả tiền cho khoản vay trên và được ông B trả lại chiếc xe ô tô Ford Explorer.

Ông T, bà D hay anh S đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc đã trả cho ông B, bà H3 số tiền 1.000.000.000đ. Ông B, bà H3 khẳng định chỉ cho ông T, bà D vay tiền, không có bất cứ quan hệ vay nợ nào với anh H4, anh S; không biết anh H4, anh S là ai và không nhận thế chấp xe ô tô nào từ anh H4, anh S. Nội dung giấy vay tiền ngày 10/9/2020 giữa ông B với ông T, bà D không có nội dung nào thể hiện việc thế chấp tài sản (BL59). Trong hồ sơ vụ án thể hiện anh S có vay của ông T, bà D 1.000.000.000đ có thế chấp xe oto Ford BKS 88A -22997 (BL 111).

Như vậy, ông T, bà D không có căn cứ, tài liệu nào để xác định ông T, bà D đã trả cho ông B, bà H3 số tiền 1.000.000.000đ theo giấy vay ngày 10/9/2020. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để buộc ông T, bà D phải trả cho ông B, bà H3 khoản tiền này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy Tòa án nhân dân huyên Vĩnh Tường (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ) đã quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy không

có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bên đương sự nguyên đơn cũng như bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.4] Về lãi suất: Vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền và các đương sự không thống nhất về lãi suất. Trong giấy vay nợ thể hiện lãi theo thỏa thuận, quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính lãi xuất 10%/năm tính từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày xét xử; bị đơn cho rằng vay lãi cao 3.000đ/triệu/ngày nhưng không có căn cứ chứng minh. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất sẽ được tính là 10%/ năm; các đương sự không có kháng cáo về nội dung này, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng quy định. Số tiền lãi từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày 28/2/2025 là 1602 ngày. Lãi suất 1.100.000.000 đồng x 10% x 1602 ngày/365 ngày = 482.794.520 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D còn phải thanh toán trả ông Vũ Văn B là 1.100.000.000 đồng (tiền gốc) + 482.794.520 đồng (tiền lãi) = 1.582.794.520 đồng.

Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận: 4.000.000.000 đồng x 10% x 1602 ngày/365 ngày = 1.755.616.438 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận (4.000.000.000 đồng + 1.755.616.438 đồng) = 5.755.616.438 đồng.

[3.5] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; Bản án sơ thẩm nhận định, quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và của bị đơn.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn B và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D.

Giữ nguyên bản án dân sự số: 08/2025/DS-ST ngày 28-2-2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ).

Áp dụng Điều 280, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ với phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D trả số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo giấy vay nợ ngày 03 tháng 10 năm 2019; thời hạn vay 30 ngày, ngày trả 30/10/2019.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D phải trả 4.000.000.000 đồng (gồm số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), theo giấy nhận nợ ngày 13/9/2019 thời hạn vay 03 tháng, ngày trả 13/12/2019 và số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) trong giấy nhận nợ vay ngày 17/7/2020 thời hạn vay 15 ngày, ngày trả 02/8/2020.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn B về việc buộc ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền 4.000.000.000 đồng từ ngày 10/10/2020 đến hết ngày 28/02/2025 với số tiền lãi là: 1.755.616.438 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B. Buộc ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D phải trả cho ông B số tiền: 1.582.794.520 đồng (trong đó, gồm: 1.100.000.000đồng tiền gốc và 482.794.520 đồng tiền lãi).

5. Kể từ ngày 01/3/2025, ông Lê Văn T, bà Vũ Thị D phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa thanh toán 1.582.794.520 đồng với lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Văn B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 113.755.616 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.745.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0005840 ngày 05/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (Nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 10 – Phú Thọ). Ông Vũ Văn B còn phải nộp số tiền 56.010.616đồng.

Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D phải chịu án phí 59.483.835đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Vũ Văn B đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005480 ngày 28/32025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (Nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 10 – Phú Thọ) – do bà Dương Thị Ánh H nộp thay.

Ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Lê Văn T và bà Vũ Thị D đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005489 ngày 31/32025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (Nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 10 – Phú Thọ) – do bà Lã Khánh L nộp thay.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, hết thời hạn kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Mạnh**